

Số: 04/2025/QĐST-VDS

Hải Phòng, ngày 14 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên họp:
Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐST-DS ngày 03/9/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:* UBND xã K, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch UBND xã.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Bùi Văn T – Sinh năm 1981

Trú tại: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030081009918

- Chị Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1988

Trú tại: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030 188 002 268

Đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu trình bày: Căn cứ để UBND xã K yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Ngày 13 tháng 8 năm 2025 UBND xã K nhận được đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/04/1988, căn cước công dân số: 030 188 002 268 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/06/2021 địa chỉ: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng về việc đề nghị UBND xã K xem xét trường hợp đăng ký kết hôn chưa đủ tuổi giữa chị với anh Bùi Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 24/03/2005 của UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương nay là xã K, thành phố Hải Phòng.

UBND xã K kiểm tra thấy rằng, anh T và chị T1 có đăng ký kết hôn, tại số

đăng ký kết hôn năm 2005, số thứ tự số 16, với tên chồng Bùi Văn T, năm sinh 1981 và tên vợ Nguyễn Thị T1, năm sinh 1987, ngày đăng ký kết hôn là 24/03/2005. Căn cứ giấy tờ, hồ sơ của công dân (giấy khai sinh, căn cước công dân) cho thấy tại thời điểm kết hôn, chị T1 chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên, khi đăng ký kết hôn, chị T1 đã khai tăng tuổi để đủ tuổi được đăng ký kết hôn do vậy tại sổ đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn đã ghi chị Thủy sinh năm 1987.

Bằng văn bản này, UBND xã giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh T và chị T1. Trường hợp anh T và chị T1 có đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị T1 đủ tuổi kết hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T và chị T1.

Hiện nay, do trong giai đoạn đầu thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp với nhiều công việc phải giải quyết, UBND xã K đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa liên quan đến giải quyết vụ việc dân sự trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trọng, chị T1 trình bày:

Chúng tôi sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) vào năm 2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 24/3/2005. Sau khi đăng ký kết hôn chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống hạnh phúc cho đến nay, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do khi đăng ký kết hôn, chúng tôi không đem theo giấy tờ tùy thân nên chị T1 đã khai nhầm ngày tháng sinh trong giấy đăng ký kết hôn là ngày 20/4/1987, nhưng ngày tháng năm sinh đúng của chị T1 là ngày 20/4/1988. Chị T1 biết là chưa đủ tuổi kết hôn (chưa đủ 18 tuổi) nên đã khai là ngày 20/4/1987 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, chị T1 xác định chị sinh ngày 20/4/1988 là đúng. Nay UBND xã K yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của chúng tôi kể từ ngày chị T1 đủ tuổi kết hôn. Anh chị hiện tại có 02 con chung.

Tại phiên họp:

- Người đại diện hợp pháp của UBND xã K vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và trình bày: Chị T1 chưa đủ tuổi kết hôn, đã khai tăng tuổi là vi phạm độ tuổi kết hôn theo quy định. Do đó, UBND xã K giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh T, chị T1. Trường hợp, anh T chị T1 đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị T1 đủ tuổi kết hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T và chị T1 trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị T1 vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị T1 đủ tuổi kết hôn (trên cơ sở Giấy đăng ký kết hôn số 16 ngày 24/03/2005 của UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương nay là xã K, thành phố Hải Phòng cấp).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên

hợp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS; Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã K, thành phố Hải Phòng về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị T1 tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 24/3/2005.

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn T, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1988 đều trú tại: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng kể từ ngày chị T1 đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 20/04/2006.

- Về lệ phí: UBND xã K được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị T1 đều ở Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng. UBND xã K là nơi đăng ký kết hôn trái pháp luật cho chị T1 và anh T. UBND xã K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời quá trình giải quyết, anh T, chị T1 yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi chị T1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10, 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của người giám gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng giải quyết việc dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân

sự.

[3] Về ngày tháng năm sinh của chị T1: Tại biên bản lấy lời khai, chị T1 xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị là ngày 20/4/1988. Anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn, UBND xã K đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn 16 ngày 24/03/2005 cho anh chị. Khi đó chị không đem theo giấy tờ tùy thân, không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh, chị T1 chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi, khai sinh ngày 20/4/1987 (cho đủ tuổi kết hôn). Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, giấy khai sinh của chị T1), đồng thời căn cứ nội dung UBND xã K xác nhận thông tin của chị T1, có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/4/1987 ghi trong Giấy đăng ký kết hôn với Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/4/1988 ghi trong CCCD số 030188 002 268 là một người.

[4]. Về nội dung yêu cầu: Anh T, chị T1 xác định anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 24/03/2005. Căn cứ ngày tháng năm sinh của chị T1, tại thời điểm đăng ký kết hôn, còn chị H mới 17 tuổi 01 tháng 4 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn của anh chị đã vi phạm về độ tuổi kết hôn, UBND xã K không kiểm tra giấy tờ tùy thân đã đăng ký kết hôn cho anh T, chị T1 là trái pháp luật. Do đó, UBND xã K yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh T, chị T1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy anh T, chị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống hạnh phúc từ đó đến nay, đã có 02 con chung. Anh chị đã có đủ các điều kiện kết hôn theo điều 8 Luật hôn nhân và gia đình 2014, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định khoản 2 Điều 11, điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không cần tuyên hủy kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân của anh T, chị T1 kể từ thời điểm chị T1 đủ tuổi kết hôn ngày 20/04/2006.

[5] Về lệ phí: UBND xã K yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 149 BLTTDS; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371, 372 BLTTDS.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39,

khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã K, thành phố Hải Phòng về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị T1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 24/03/2005 của UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng)

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn T, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1988, đều trú tại: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng kể từ ngày chị T1 đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 20/04/2006.

3. *Lệ phí Tòa án*: UBND xã K được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận

- *Đương sự*;
- *VKSND khu vực 10 – Hải Phòng*;
- *UBND xã Kim Thành, TP Hải Phòng*;
- *Lưu hồ sơ việc dân sự*.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh